

**Ban Quan hệ Quốc tế - VCCI**

# **HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG THAILAND**

**Người liên hệ:** Nguyễn Nam  
**Tel:** 04.35742022 ext 247  
**Email:** namn@vcci.com.vn



**4.2014**

## **HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG THÁI LAN**

### **MỤC LỤC**

<b>I. GIỚI THIỆU CHUNG .....</b>	<b>3</b>
1. Các thông tin cơ bản .....	3
2. Lịch sử .....	4
3. Du lịch:.....	4
<b>II. TÌNH HÌNH KINH TẾ .....</b>	<b>4</b>
1. Tổng quan: .....	4
2. Các chỉ số kinh tế:.....	5
<b>III. QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM : .....</b>	<b>7</b>
1. Hai bên đã ký kết .....	7
2. Hợp tác thương mại .....	7
3. Tình hình đầu tư:.....	8
4. Triển vọng phát triển kinh tế-thương mại với Việt Nam trong những năm tới: .....	9
5. Tập quán Kinh doanh:.....	9
<b>IV. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM .....</b>	<b>11</b>
1. Quan hệ Ngoại giao: .....	11
2. Quan hệ Chính trị:.....	11
<b>V. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI .....</b>	<b>12</b>
1. Thỏa thuận hợp tác đã kí kết.....	12
<b>VI. THÔNG TIN HỮU ÍCH .....</b>	<b>12</b>

## I. GIỚI THIỆU CHUNG



### 1. Các thông tin cơ bản

<b>Tên đầy đủ:</b>	Vương quốc Thái Lan (Thailand)
<b>Thể chế chính trị:</b>	Quân chủ lập hiến
<b>Thủ đô :</b>	Băng Cốc
<b>Đứng đầu nhà nước:</b>	Quốc vương Phumiphon Adunyadet (từ năm 1946)
<b>Đứng đầu chính phủ:</b>	Thủ tướng Bà Yingluck Shinawatra (8/8/2011)
<b>Thành viên của các tổ chức quốc tế:</b>	ADB, APEC, ARF, ASEAN, BIMSTEC, BIS, CICA, CP, EAS, FAO, G-77, IAEA, IBRD, ICAO, ICC, ICRM, IDA, IFAD, IFC, IFRCs, IHO, ILO, IMF, IMO, IMSO, Interpol, IOC, IOM, IPU, ISO, ITSO, ITU, ITUC, MIGA, NAM, OAS (observer), OIC (observer), OIF (observer), OPCW, OSCE (partner), PCA, PIF (partner), UN, UNAMID, UNCTAD, UNESCO, UNHCR, UNIDO, UNMIS, UNWTO, UPU, WCO, WFTU, WHO, WIPO, WMO, WTO
<b>Diện tích:</b>	513.115 km <sup>2</sup> (lớn thứ 49 thế giới), gồm 76 tỉnh.
<b>Khí hậu:</b>	nhiệt đới
<b>Tài nguyên:</b>	thiếc, cao su, khí đốt, kim loại vônfram, gỗ, than, đánh bắt thủy hải sản, khoáng chất
<b>Dân số:</b>	67.7 triệu 21 .
<b>Tuổi trung bình:</b>	36.2 tuổi
<b>Dân tộc:</b>	Thái (95%), Miến Điện (2%) và các dân tộc khác
<b>Tôn giáo:</b>	Phật giáo (93.6%), Đạo hồi (4.9%), Thiên chúa (1.2%) và các đạo khác
<b>Ngôn ngữ :</b>	Tiếng Thái, Tiếng Anh (Ngôn ngữ thứ 2), tiếng dân tộc và địa phương v...v
<b>Tỷ giá:</b>	baht/USD - 31.41 (2012); 30.492 (2011); 31.686 (2010)

## 2. Lịch sử

Theo sử sách Thái Lan, người Thái xuất xứ từ vùng núi An-Tai, Đông Bắc tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc từ 4500 năm trước, sau đó di cư dần xuống vùng đất hiện nay là Thái Lan. Vào năm 1238, người Thái thành lập Vương quốc tại Sukhothai (hiện ở miền Bắc Thái Lan) gọi là Vương quốc Phật giáo Sukhothai, năm 1283 người Thái có chữ viết. Sau đó người Thái mở rộng lãnh thổ xuống phía Nam, và năm 1350 chuyển kinh đô xuống Ayuthaya (phía Bắc Băng-cốc 70 km) gọi là Vương quốc Ayuthaya. Hơn 400 năm người Thái tiến hành chiến tranh liên miên với Miến Điện và kinh đô Ayuthaya bị huỷ diệt. Năm 1767, một tướng người Thái gốc Hoa, Taksin, đứng lên chống quân Miến Điện giành lại độc lập và rời đô về Thonburi, bên bờ sông Chao Phaya, đối diện với Bangkok. Vua Rama I (1782) lên ngôi và lấy Băng-cốc (Thành phố của các thiên thần) làm Thủ đô. Thời đại này gọi là Rattanakosin.

Trước năm 1932, Thái Lan theo chế độ Quân chủ chuyên chế. Sau cuộc cách mạng tư sản năm 1932 do một nhóm sĩ quan trẻ lãnh đạo, Thái Lan chuyển từ chế độ quân chủ chuyên chế sang chế độ Quân chủ lập hiến. Ngày 10/12/1932 Vua Prachadhipok (Rama VII) đã thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của Thái Lan. Trong suốt Chiến tranh Thế giới thứ 2, Thái Lan là một đồng minh của Nhật nhưng cùng lúc vẫn tồn tại một phong trào chống Nhật gọi là Seri Thai. Sau chiến tranh, Thái Lan trở thành đồng minh của Mỹ. Hơn 70 năm qua Thái Lan đã thay đổi 17 hiến pháp, nhưng Hiến pháp 1932 vẫn được coi là cơ sở. Hiến pháp gần đây nhất (thứ 18) được thông qua với cuộc trưng cầu dân ý ngày 19/8/2007, cùng với tổng tuyển cử ngày 23/12/2007, chính phủ dân sự mới của Thái Lan đã được thành lập vào ngày 06/02/2008.

## 3. Du lịch:

. Ngành du lịch Thái Lan chiếm khoảng 6.5% GDP toàn quốc. Năm 2012, đã có 22 triệu khách tới Thái Lan, tăng 15% so với năm 2011. Năm 2013, Thái Lan chào đón 26.7 triệu lượt khách quốc tế đến và dự kiến sẽ có hơn 28 triệu lượt khách quốc tế đến vào năm 2014 ([http://thailand.prd.go.th/view\\_news.php?id=7089&a=2](http://thailand.prd.go.th/view_news.php?id=7089&a=2))

## II. TÌNH HÌNH KINH TẾ

### 1. Tổng quan:

- Thái Lan hiện là một nước công nghiệp mới (trước vốn là nước nông nghiệp truyền thống). Bắt đầu từ năm 1960 Thái Lan thực hiện Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội lần thứ nhất và đến nay là Kế hoạch 9 (2002- 2006). Những năm 1970 Thái thực hiện chính sách "hướng xuất khẩu", ASEAN, Mỹ, Nhật, EC là thị trường xuất khẩu chính của Thái Lan. Ngành công nghiệp và dịch vụ đã dần dần đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế và vai trò của nông nghiệp giảm dần. Ngành du lịch cũng đóng vai trò tích cực.

- Từ 1985 – 1996 kinh tế Thái Lan đạt tốc độ tăng trưởng cao trung bình gần 9% một năm. Nhưng đến năm 1996 tăng trưởng kinh tế giảm xuống còn 5,9% và sau đó là cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ 7/1997 làm cho kinh tế Thái Lan rơi vào tình trạng khó khăn trầm trọng, Chính

phủ buộc phải thả nổi đồng Bạt: Tỷ giá đồng bạt tháng 1/1998 là 56 Bạt = 1USD (trước là 25,3); mức tăng GDP năm 98 là -10,5%; nợ nước ngoài khoảng 87 tỷ USD; các ngành sản xuất mũi nhọn như công nghiệp ô tô, dệt, điện tử suy giảm nghiêm trọng; thất nghiệp gia tăng, tính đến tháng 3/1998 đã có tới 2,8 triệu người thất nghiệp, chiếm 8,8% lực lượng lao động.

- Kể từ năm 1998, kinh tế Thái Lan bắt đầu có dấu hiệu phục hồi. tăng trưởng đạt 4,2-4,4% vào năm 2000, phần lớn dựa vào xuất khẩu (tăng 20% năm 2000). Năm 2001, mức tăng trưởng bị giảm xuống còn 2,2% do ảnh hưởng của sự sụt giảm của kinh tế toàn cầu. Nhưng sau đó, kinh tế Thái Lan tăng trưởng mạnh dưới thời Thủ tướng Thaksin Shinawatra với một số dự án lớn. Từ 2002 - 2004, tăng trưởng đạt 5-7% một năm.

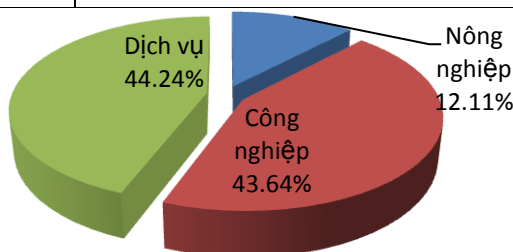
- Từ năm 2007, những bất ổn chính trị đã gây ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của Thái Lan tuy nhiên các yếu tố cơ bản của nền kinh tế vẫn vững. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Thái Lan năm 2007 đạt 4,8%. Do bất ổn chính trị trong nước và ảnh hưởng tiêu cực bởi khủng hoảng tài chính, tăng trưởng kinh tế của Thái Lan năm 2008 chỉ đạt 3,6%. Năm 2009, xuất khẩu giảm mạnh, thất nghiệp gia tăng, tăng trưởng kinh tế Thái Lan giảm 2.4%. Thời gian gần đây, kinh tế Thái Lan đã dần phục hồi. GDP năm 2010 lần lượt tăng 7.8%. Tuy nhiên, đà tăng trưởng kinh tế vẫn còn phải phụ thuộc vào một số yếu tố trong đó có sự ổn định chính trị trong nước.

tăng 0.1% năm

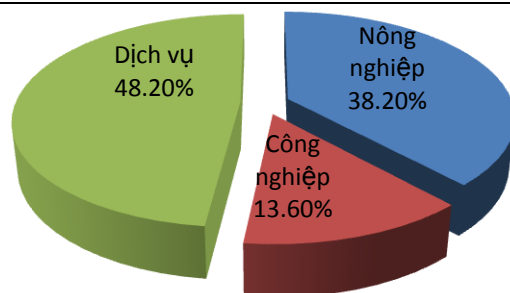
5.6%.

## 2. Các chỉ số kinh tế:

	2010	2011	2012	2013
<b>GDP (ppp)</b>	600.8 tỷ	609.8 tỷ		<b>674.3 tỷ USD</b> xếp hạng 25 toàn cầu
<b>GDP (OER)</b>	312.6 tỷ	339.4 tỷ		<b>400.9 tỷ USD</b>
<b>Tăng trưởng GDP</b>	7.8 %	0.1%	6.5%	<b>3.1%</b> 110
<b>GDP theo đầu người</b>	9,400 USD	9,600	10,000 USD	<b>9,900</b> xếp hạng 118 toàn cầu
<b>GDP theo ngành</b>	Nông nghiệp 12.1%; Công nghiệp 43.6%; Dịch vụ 44.2%			

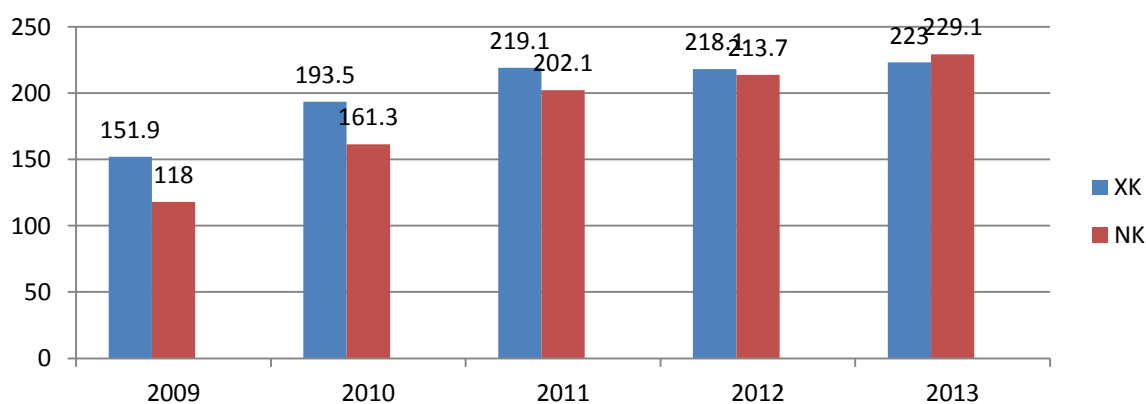


<b>Lực lượng lao động</b>	<b>39.77 triệu</b>	<b>39.64 triệu</b> 17
<b>Phân bố lao động theo ngành</b>	Nông nghiệp 38.2%; Công nghiệp 13.6%; Dịch vụ 48.2%	

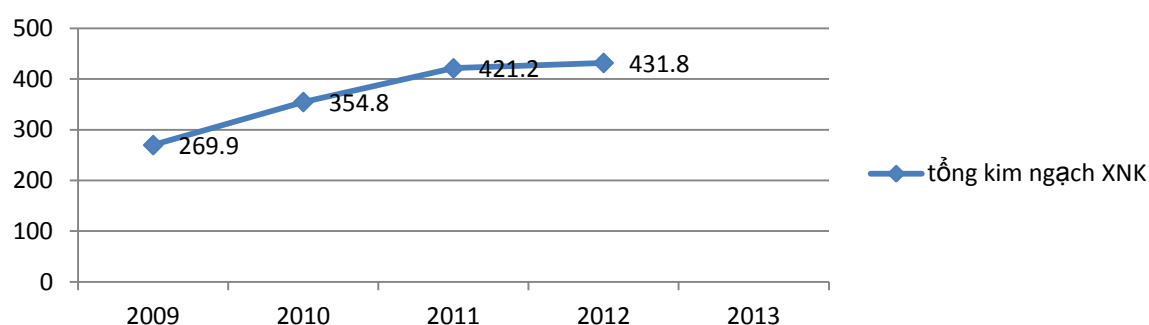


<b>Tỷ lệ thất nghiệp</b>	1.2%	0.7%	<b>0.7%</b>	<b>0.8%</b>
<b>Tỷ lệ lạm phát</b>	3.3%	3.8%	<b>3%</b>	<b>2.2%</b> 75
<b>Mặt hàng nông nghiệp</b>	gạo, cao su, sản, ngô, mía, dừa, đậu,			
<b>Các ngành công nghiệp</b>	du lịch, dệt may, chế biến nông sản, đồ uống, thuốc lá, xi măng, sản xuất công nghiệp nhẹ, linh kiện điện tử, điện máy, nội thất, nhựa, vonfram, thiếc, ô tô và phụ tùng.			
<b>Tổng Kim ngạch XNK</b>	354.8 tỷ USD	421.2 tỷ USD	Tăng 2.52%	<b>452.1 tỷ USD</b> Tăng 4.7%
<b>Kim ngạch xuất khẩu</b>	193.5 tỷ USD	219.1 tỷ	0.46%	<b>229.1 tỷ USD</b> tăng 0.5%
<b>Mặt hàng chính</b>	dệt may, da giày, gạo, cao su, kim cương, máy tính và linh kiện điện tử,			
<b>Bạn hàng XK chính</b>	Trung Quốc 11.7%, Nhật Bản 10.2%, Mỹ 9.9%, Hồng Kông 5.7%, Malaysia 5.4%; Indonesia 4.9%; Singapore 4.7%; Australia 4.3%			
<b>Kim ngạch nhập khẩu</b>	161.3 tỷ USD		Tăng 5.74%	<b>223 tỷ USD</b> Tăng 4.4%
<b>Mặt hàng chính</b>	Mặt hàng sản xuất; Nguyên liệu thô, hàng tiêu dùng, khí đốt			
<b>Bạn hàng NK chính</b>	Nhật Bản 20%, Trung Quốc 15%, UAE 6.3%, Mỹ 5%, Malaysia 5%			

**Biểu đồ XK và NK của Thái Lan qua các năm (tỷ USD)**



**Biểu đồ Tổng Kim ngạch XNK Thái Lan (Tỷ USD)**



### III. QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM:

#### 1. Hai bên đã ký kết được những văn bản sau:

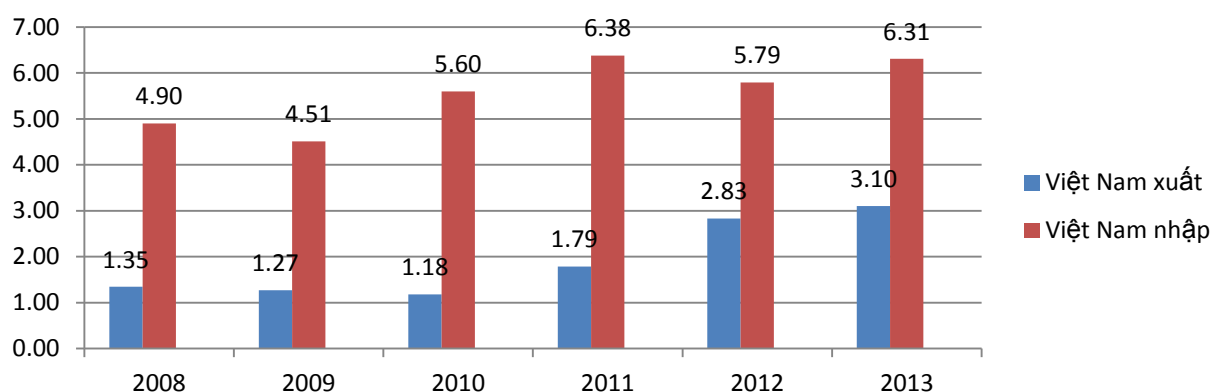
- Hiệp định hợp tác thương mại, kinh tế và kỹ thuật 11/01/1978;
- Hiệp định vận chuyển hàng không 11/01/1978;
- Hiệp định về thành lập Ủy ban hỗn hợp hợp tác kinh tế, kỹ thuật 18/9/1991;
- Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư 30/10/1991;
- Hiệp định tránh đánh thuế hai lần 23/12/1992;
- Hiệp định hợp tác du lịch 16/3/1994;

#### 2. Hợp tác thương mại

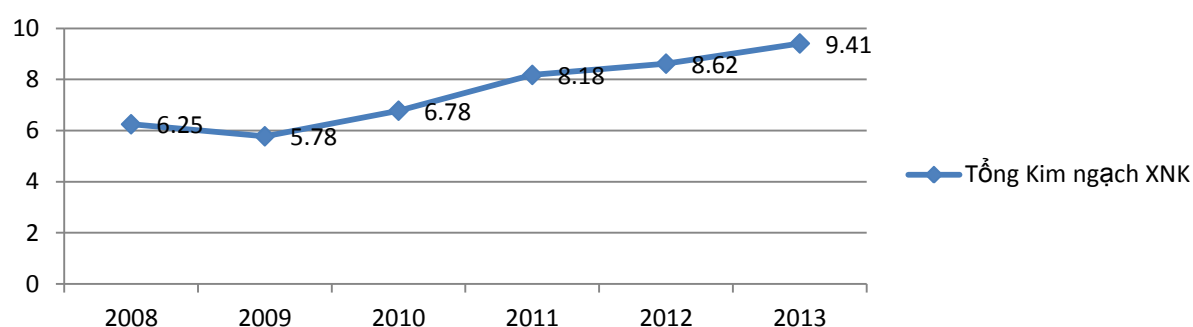
**Kim ngạch buôn bán hàng năm với Việt Nam trong năm : (Đơn vị USD)**

Năm	Việt Nam xuất	Việt Nam nhập		Mức tăng %	XK chiếm %
2008	1,348,937,452	4,905,620,814	6,254,558,266		21.60%
2009	1,266,058,059	4,514,073,592	5,780,131,651	-8.20%	21.90%
2010	1,182,842,277	5,602,280,886	6,785,123,163	17.40%	17.40%
2011	1,792,249,016	6,383,588,300	8,175,837,316	20.50%	21.90%
2012	<b>2,832,232,914</b>	<b>5,792,324,220</b>	<b>8,624,557,134</b>	<b>5.49%</b>	<b>32.84%</b>
2013	<b>3,103,719,185</b>	<b>6,311,150,905</b>	<b>9,414,870,090</b>	<b>9.2%</b>	<b>32%</b>

Biểu đồ XK và NK giữa VN và Thái Lan trong giai đoạn 2009 – 2013 (tính theo tỷ USD)



Biểu đồ tổng Kim ngạch XNK giữa VN và Thái Lan từ 2009 – 2013 (tính theo tỷ USD)



- **xuất nhập khẩu chính: (đơn vị tính USD) năm 2013**

<b>VN NK từ Thailand</b>	<b>2013 (triệu USD)</b>	<b>2012</b>
Chất dẻo nguyên liệu	503	5.01
Linh kiện, phụ tùng ô tô	494	38.38
Hàng điện gia dụng và linh kiện	485	31.08
Xăng dầu các loại	457	-31.89
Hoá chất	269	0.37
Vải các loại	215	26.47
Linh kiện và phụ tùng xe máy	198	-31.25
Giấy các loại	194	16.87
Xơ, sợi dệt các loại	144	-0.69



<b>VN NK từ Thailand</b>	<b>2013 (triệu USD)</b>	<b>2012</b>
Điện thoại, linh kiện	692	75.63
Dầu thô	333	-27.92
Phương tiện vận tải và phụ tùng	299	32.89
Sắt thép các loại	221	24.86
Máy vi tính, Sản phẩm điện tử & linh kiện	154	-22.22
Hàng thủy sản	143	8.33
Xơ, sợi dệt các loại	68	-13.92
Xăng dầu các loại	38	22.58

### 3. Tình hình đầu tư:

Tính đến năm 2013, Thái Lan có 333 dự án với tổng số vốn đăng ký là gần 6.5 tỉ USD, đứng thứ 10 trong số hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư vào Việt Nam và đứng thứ 3 trong các nước ASEAN (sau Singapore và Malaysia).

Trong năm 2013, Thái Lan có 39 dự án với tổng số vốn đăng ký là 360 triệu USD.

- Những doanh nghiệp quan trọng đang làm ăn tại Việt Nam: Công ty trách nhiệm hữu hạn CP tại Việt Nam với tổng vốn 328 triệu USD; Công ty SAS CTAMAD với tổng vốn 72,6 triệu USD; Công ty liên doanh phát triển khu Long Bình hiện đại tại Đồng Nai với tổng vốn 46 triệu; Công ty nhựa hoá chất TCP VINA tại khu công nghiệp gò dầu Đồng Nai với tổng vốn 90 triệu USD...

### 4. Triển vọng phát triển kinh tế-thương mại với Việt Nam trong những năm tới:

Trên cơ sở quan hệ hai nước tiếp tục được tăng cường và phát triển thuận lợi, quan hệ kinh tế thương mại sẽ được tiếp tục mở rộng. Về thương mại, khả năng hai nước còn có thể tăng thêm được kim ngạch mỗi năm từ 5-10%. Tuy nhiên, Việt Nam cần khắc phục tình trạng bị nhập siêu từ Thái Lan. Về đầu tư, các doanh nghiệp Thái Lan tỏ ý quan tâm muốn trở lại làm ăn tại Việt Nam. Thái Lan còn nhiều khả năng để đầu tư vào Việt Nam do nguồn vốn dồi dào, địa lý thuận lợi, lao động của Việt Nam còn rẻ. Hơn nữa Thái Lan quan tâm thúc đẩy hợp tác kinh tế thương mại với các tỉnh miền Trung của Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác tiểu vùng sông Mekong nhằm phát triển các tỉnh vùng Đông bắc Thái Lan giáp với Lào và Việt Nam. Ngoài ra hai nước sẽ tiếp tục hợp tác tốt trong các lĩnh vực xuất khẩu gạo, cao su, hải sản...

### 5. Tập quán Kinh doanh:

- Nếu bạn muốn thành công trong công việc kinh doanh tại Thái Lan thì việc tạo dựng mối quan hệ là một yếu tố rất quan trọng và cần thiết. Những mối quen biết trong công việc kinh doanh rất được xem trọng tại Thái Lan, cũng như việc bạn phải luôn duy trì chất lượng và

hình ảnh của công ty mình. Mỗi quan hệ xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố niềm tin của khách hàng.

- Người Thái thích hợp tác làm việc với những người họ kính trọng.
- Sự tiến triển trong mối quan hệ của người Thái diễn ra chậm và với lần gặp đầu tiên sẽ không có nhiều tiến triển như bạn mong đợi, phải mất vài buổi gặp gỡ bạn mới có thể tạo dựng được mối quan hệ thực sự với họ.
- Khi giao tiếp với mọi người hãy luôn giữ thái độ kính trọng và lịch sự, điều này sẽ tạo nên những mối quan hệ hoà hợp, và đây cũng chính là yếu tố rất quan trọng khi kinh doanh tại Thái Lan.
- Cách giao tiếp của người Thái thường theo nghi thức và họ coi các cử chỉ khi giao tiếp quan trọng hơn cả lời nói.
- Những người có vị trí cao trong xã hội cũng như những người lớn tuổi nhất trong công ty luôn được kính trọng.
- Nên đặt lịch hẹn với đối tác trước một tháng.
- Khi đến gặp mặt đối tác kinh doanh bạn nên đến đúng giờ, điều này thể hiện sự tôn trọng của bạn với họ.
- Trước một cuộc họp hoặc một cuộc gặp gỡ với đối tác, bạn nên gửi trước những tài liệu, thông tin về công ty bạn đến cho đối tác, điều này giúp chỉ rõ vị trí của bạn và cũng giúp cho đối tác có đủ thời gian nghiên cứu và suy nghĩ trước về những tài liệu bạn cung cấp. Tất cả các tài liệu nên được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Thái.
- Hãy nên đứng cho đến khi được mời ngồi.
- Luôn giữ được sự bình tĩnh.
- Thông thường, để tránh mất lòng bạn, người Thái Lan thường sẽ không thừa nhận rằng họ không hiểu những điều bạn nói. Điều này thường không tốt và gây bức mình trong công việc. Nó cũng đồng nghĩa với việc người Thái Lan sẽ rất ít khi nói “ Không ”, và dẫn đến việc một đối tác nước ngoài sẽ có thể rời bàn họp và nghĩ rằng họ đã đạt được bản hợp đồng cho đến khi nhận ra rằng không hề có một bước tiến xa hơn nào trong công việc sau đó. Vì vậy, một lời khuyên khi tiến hành đàm phán tại Thái Lan là bạn nên có thêm một thông dịch viên đi cùng để chắc chắn rằng cả 2 bên đều hiểu nhau và đi đến một hợp đồng có lợi.
- Chức vụ và thâm niên trong công việc cũng là điều rất quan trọng, hầu hết những lãnh đạo cấp cao và những người làm kinh doanh sẽ đều mong muốn gặp những đối tác có chức vụ ngang tầm họ, thay vì gặp một nhân viên cấp dưới.
- Người Thái Lan rất giỏi trong việc thương lượng và đàm phán. Điều này thể hiện trong sự linh hoạt và thiện chí khi tiếp đãi đối tác kinh doanh của họ. Ngoài ra, sự nhạy bén trong kinh doanh của người Thái Lan còn được thể hiện qua khả năng thương lượng và đạt đến một hợp đồng được họ xem là có lợi cho cả 2 bên, đôi khi hợp đồng này cũng có thể thay đổi trong quá trình đàm phán và đi đến ký kết cuối cùng.
- Khun trong tiếng Thái có nghĩa là Ông, Bà, Cô (Mr, Mrs, Ms hoặc Miss), người Thái Lan thường sử dụng tên đi kèm với Khun khi xưng hô, không dùng họ của gia đình, ví dụ Khun Somporn.
- Cách thức chào trang trọng của người Thái Lan được gọi là “wai”, thông thường người có chức vị thấp hơn sẽ thực hiện nghi thức chào truyền thống này tới người có địa vị cao hơn. Theo cách thức này người chào sẽ úp hai lòng bàn tay vào nhau, đưa lên ngang tầm với mắt và

từ từ đưa lên theo chiều hướng lên phía trên. Đây là một cách chào rất trang trọng được thực hiện trong những nghi lễ, người Thái Lan không yêu cầu đối tác nước ngoài phải chào lại họ theo đúng nghi thức này, nếu bạn là một đối tác bạn chỉ cần mỉm cười đáp lại hoặc gật đầu chào lại họ, nhưng nếu bạn có thể chào lại họ theo đúng cách truyền thống của người Thái, chắc chắn họ sẽ đánh giá rất cao thiện chí của bạn.

- Thông thường, khi được mời tới dự một bữa tiệc tại nhà, bạn nên đợi chủ nhà giới thiệu bạn với những người khách khác trong bữa tiệc, nó sẽ giúp cho những vị khách có mặt biết được mối quan hệ giữa bạn và gia chủ.

## **IV. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM**

### **1. Quan hệ Ngoại giao:**

- Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức: 06/8/1976

### **2. Quan hệ Chính trị:**

#### **- Các chuyến thăm giữa Thái Lan và Việt Nam**

- Tổng Bí thư Đỗ Mười (10/1993);
- Chủ tịch nước Trần Đức Lương (10/1998);
- Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình (3/2000),
- Thủ tướng Võ Văn Kiệt (9/1991 và 7/1992),
- Thủ tướng Phan Văn Khải (5/2000),
- Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh (9/1996),
- Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An (9/2003),
- Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (12/2006).
- Về phía Thái Lan có đoàn: Các Thủ tướng Anand thăm (1/1992), Chuan Leekpai (3/1994), Banharn (10/1995), Chavalit (3/1997);
- Chủ tịch Quốc hội Thái Lan (2/1996);
- Thủ tướng Chuan Leekpai dự Hội nghị cấp cao ASEAN 6 tại Hà Nội (12/1998);
- Phó Thủ tướng Bhichai Rattakul (11/1999),
- Thủ tướng Thaksin Shinawatra (24-25/4/2001).
- Ngoại trưởng Thái Surin thăm chính thức (2/1998) và sang dự kỳ họp thứ 6 UBHH hai nước (21-13/6/1999);
- Ngoại trưởng Thái Surakiart Sathirathai thăm chính thức (07/3/2001).
- Thủ tướng Surayud Chulanont đã thăm chính thức Việt Nam sau khi nhậm chức (26/10/2006), dự Hội nghị cấp cao APEC 14 (18-19/11/2006).

- Thủ tướng Samak thăm chính thức Việt Nam (24/3/2008),
- Ngoại trưởng Thái Lan Kasit Piromya thăm chính thức Việt Nam (25/02/2009).
- Thủ tướng Abhisit Vejjajiva thăm chính thức Việt Nam (10/7/2009).
- Đặc biệt có các chuyến thăm của Hoàng gia Thái như: Thái tử Maha Vajiralongkorn (11/1992, 9/1997, 12/2007, 01/2008 và tháng 5/2008) và Công chúa Sirindhorn (2/1993, 4/2000); Công chúa Chulabhorn (11/1998, 5/1999, 6/2000, 11/2001, 2/2003, tháng 12/2003 và tháng 7/2008), Chủ tịch Hội đồng Cơ mật Hoàng gia (4/2002).

## **V. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI**

### **1. Thoả thuận hợp tác đã ký kết**

- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã ký thỏa thuận hợp tác với Phòng Thương mại và Công nghiệp Thái Lan và tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tìm hiểu thị trường, tìm kiếm đối tác
- 24-27 tháng 3 năm 2004, nhân chuyến thăm của Bộ trưởng Công nghiệp Thái Lan, Phòng Thương mại đã tổ chức Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam Thái Lan, thu hút sự chú ý và tham gia của hàng trăm doanh nghiệp Việt Nam.
- Tháng 2 năm 2009, VCCI đã tham dự Hội nghị Cấp cao ASEAN và Hội nghị Thượng đỉnh về Kinh doanh và Đầu tư ASEAN được tổ chức tại Hua Hin Thái Lan.
- Ngày 27 tháng 10 năm 2012, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã ký thỏa thuận hợp tác với Ủy ban Hỗn hợp về Thương mại, Công nghiệp và Ngân hàng Thái Lan (JSCCIB – Thailand) để thành lập Hội đồng

## **VI. THÔNG TIN HỮU ÍCH**

### **❖ Đại sứ quán Việt Nam tại Thái Lan:**

83/1 Wireless Road, Lumpini, Pathumwan, Bangkok 10330  
Tel: +(66)(2)2515836-38; +(66)(2)2512552; +(66)(2)2517202  
FAX: +(66)(2)2517201  
Email: vnemb.th@mofa.gov.vn

Website: [www.vietnamembassy-thailand.org](http://www.vietnamembassy-thailand.org)

**Đại sứ: Ông Nguyễn Tất Thành (ext: 214)**

**Tham tán Thương mại: Ông Nguyễn Thành Hải (tel 6508454, fax 2526950)**

### **❖ Đại sứ quán Thái Lan tại Việt Nam:**

63-65 Hoàng Diệu  
Tel: (844) 38235092-4 | Fax: (844) 38235088 | Email: [thaihan1@fpt.vn](mailto:thaihan1@fpt.vn)

### **❖ Thai Chamber of Commerce and Industry**

150 RAJBOPIT ROAD, PRANAKHON DISTRICT, BANGKOK 10200, THAILAND.  
TEL: +66(0) 2622-1860-76 FAX: +66(0) 2225-3372 P.O.BOX 2-146

❖ **Các nguồn thông tin tham khảo**

\*Website CIA – The World Factbook

\*Website Bộ Ngoại giao Việt Nam

\*Website Tổng cục Thống kê Việt Nam



**PHỤ LỤC THAM KHẢO**  
Bảng 1. Xuất khẩu VN – Thái Lan

BỘ TÀI CHÍNH  
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 5X/TCHQ  
Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Sơ bộ

**XUẤT KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU**

Tháng 12 năm 2013

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
<b>THÁI LAN</b>			<b>268.638.745</b>		<b>3.103.719.185</b>
Hàng thủy sản	USD		11.404.171		143.613.401
Hàng rau quả	USD		2.582.494		31.282.363
Hạt điều	Tấn	621	3.825.817	6.284	41.164.604
Cà phê	Tấn	60	398.438	9.649	20.339.983
Hạt tiêu	Tấn	75	693.086	2.205	14.924.964
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	USD		912.224		14.192.925
Than đá	Tấn	14.800	1.835.200	132.923	16.160.671
Dầu thô	Tấn	84.099	75.299.820	384.690	333.695.834
Xăng dầu các loại	Tấn	3.750	3.453.268	42.110	38.803.809
Quặng và khoáng sản khác	Tấn	7.090	1.079.277	17.655	2.921.646
Hóa chất	USD		185.377		6.276.723
Sản phẩm hóa chất	USD		5.415.641		52.765.218
Phân bón các loại	Tấn	1.500	437.500	37.667	13.640.925
Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	1.680	3.285.367	20.148	39.756.334
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		2.914.777		41.730.201
Sản phẩm từ cao su	USD		703.674		8.995.513
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	USD		873.713		6.675.127
Gỗ và sản phẩm gỗ	USD		1.117.985		12.105.396
Giấy và các sản phẩm từ giấy	USD		636.745		11.688.922
Xơ, sợi dệt các loại	Tấn	2.198	5.400.975	25.673	68.498.688
Hàng dệt, may	USD		2.961.430		45.785.482
Giày dép các loại	USD		2.958.289		25.875.718
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	USD		1.566.846		18.841.720
Sản phẩm gốm, sứ	USD		4.110.072		39.440.966
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	USD		158.635		3.928.338
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	USD		160.399		1.698.483
Sắt thép các loại	Tấn	13.162	12.434.828	230.942	221.802.939
Sản phẩm từ sắt thép	USD		3.073.809		37.963.825
Kim loại thường khác và sản phẩm	USD		2.009.637		47.320.737
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD		10.600.760		154.148.936
Điện thoại các loại và linh kiện	USD		39.778.826		692.382.833
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	USD		18.058.111		239.442.322
Dây điện và dây cáp điện	USD		1.456.572		19.154.656
Phương tiện vận tải và phụ tùng	USD		19.053.212		299.646.038

Bảng 2. Nhập khẩu VN – Thái Lan

BỘ TÀI CHÍNH  
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 5N/TCHQ  
Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Sơ bộ

**NHẬP KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU**  
**Tháng 12 năm 2013**

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
<b>THÁI LAN</b>			<b>578.118.621</b>		<b>6.311.150.905</b>
Hàng thủy sản	USD		2.022.466		14.705.081
Sữa và sản phẩm sữa	USD		3.953.200		65.404.862
Hàng rau quả	USD		1.224.768		93.267.617
Ngô	Tấn	101.098	30.723.406	123.046	65.520.330
Dầu mỡ động thực vật	USD		4.630.986		33.918.381
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	USD		5.786.612		39.354.341
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	USD		5.865.842		130.545.248
Quặng và khoáng sản khác	Tấn	103.258	3.184.605	1.569.014	49.020.486
Xăng dầu các loại	Tấn	25.283	25.303.248	472.681	457.520.350
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	USD		5.062.468		54.951.894
Hóa chất	USD		26.618.600		269.148.014
Sản phẩm hóa chất	USD		17.290.534		185.854.696
Nguyên phụ liệu dược phẩm	USD		1.423.008		12.019.388
Dược phẩm	USD		6.251.746		61.118.611
Phân bón các loại	Tấn	589	1.707.080	7.631	8.004.214
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	USD		3.006.838		39.111.394
Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	23.892	40.346.457	293.945	503.382.372
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		17.325.250		172.788.255
Cao su	Tấn	1.692	3.022.280	28.896	55.465.356
Sản phẩm từ cao su	USD		5.897.119		63.983.893
Gỗ và sản phẩm gỗ	USD		6.065.202		78.108.169
Giấy các loại	Tấn	18.362	17.946.257	210.732	194.588.049
Sản phẩm từ giấy	USD		834.409		11.403.414
Xơ, sợi dệt các loại	Tấn	8.426	13.092.025	86.061	144.953.242
Vải các loại	USD		19.421.522		215.246.483
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	USD		13.622.836		143.712.101
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	USD		522.643		3.936.539
Sắt thép các loại	Tấn	3.915	4.679.795	38.656	50.632.038
Sản phẩm từ sắt thép	USD		12.620.149		118.648.837
Kim loại thường khác	Tấn	1.642	7.931.805	13.953	74.735.264
Sản phẩm từ kim loại thường khác	USD		2.973.683		32.252.954
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD		17.115.174		285.552.560
Hàng điện gia dụng và linh kiện	USD		50.473.484		485.595.158
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	USD		458.955		5.176.756
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	USD		63.087.209		622.105.804
Dây điện và dây cáp điện	USD		5.061.912		59.187.161
Ô tô nguyên chiếc các loại	Chiếc	489	8.852.926	7.764	141.917.974
Linh kiện, phụ tùng ô tô	USD		48.079.791		494.825.358
Xe máy nguyên chiếc	Chiếc	272	553.026	4.838	5.814.562
Linh kiện, phụ tùng xe máy	USD		14.381.480		198.893.992